

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỨC CƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 290/BC-UBND

Đức Cơ, ngày 17 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

**Thực hiện công tác thu - chi ngân sách năm 2025.
Phương hướng, nhiệm vụ thu-chi ngân sách năm 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Khóa I, Kỳ họp thứ Năm.

Năm 2025 là năm cuối của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Vì vậy, để hoàn thành dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 được Hội đồng nhân dân xã giao, góp phần thực hiện đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, ngay từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp với Thuế cơ sở 9, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt thực hiện các chủ trương của Đảng, nghị quyết của Chính phủ, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Qua tổng hợp số liệu thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã kính báo cáo Hội đồng nhân dân xã về tình hình thu, chi ngân sách năm 2025 như sau:

I. VỀ THU NSNN (chi tiết 01 kèm theo).

- Tổng thu NSNN trên địa bàn là 259.257 triệu đồng, đạt 285,14% dự toán, trong đó: (1) Thu NSNN trên địa bàn 79.983,02 triệu đồng, đạt 396,39% dự toán; (2) thu chuyển nguồn ngân sách năm trước 3.944,29 triệu đồng; (3) thu kết dư 393,10 triệu đồng; (4) thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 174.936,59 triệu đồng, đạt 247,28% dự toán.

- Tổng thu NSNN xã hưởng theo phân cấp là 187.209,59 triệu đồng, đạt 229,64% dự toán, trong đó: (1) Thu NSNN trên địa bàn là 7.935,61 triệu đồng, đạt 73,62%; (2) thu chuyển nguồn ngân sách năm trước 3.944,29 triệu đồng; (3) thu kết dư 393,10 triệu đồng; (4) thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 174.936,59 triệu đồng, đạt 247,28% dự toán.

Công tác thu NSNN trên địa bàn luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã. Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo bộ phận kế toán phối hợp với Thuế cơ sở 9 đứng chân trên địa bàn xã triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thu ngân sách; chủ động rà soát các nguồn thu, tăng cường đôn đốc thu. Trong năm nhiều bộ phận đã cố gắng phấn đấu thực hiện tốt chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn và đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng phần nào nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương.

Kết quả thu một số khu vực, sắc thuế chủ yếu như sau: 6/6 khoản thu thuế vượt dự toán được giao; phát sinh 2 khoản thu thuế không giao dự toán cụ thể:

1. Các khoản thu đạt và vượt dự toán giao

(1) Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: 16.851,6 triệu đồng, đạt 974,08% so với dự toán; điều tiết ngân sách xã 1.337,09 triệu đồng, đạt 158,61% dự toán, trong đó:

+ Thuế giá trị gia tăng: 15.433,58 triệu đồng, đạt 897,3% dự toán; điều tiết ngân sách xã 1.258,92 triệu đồng, đạt 150,23 % dự toán.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: 136,54 triệu đồng, vượt gấp 13 lần so với dự toán; điều tiết NS xã 2,08 triệu đồng, đạt 41,54% dự toán.

+ Thu khác về thuế: 714,03 triệu đồng, đạt ngoài dự toán; điều tiết NS xã 76,10 triệu đồng.

(2) Lệ phí trước bạ: 9.607,23 triệu đồng, vượt 10,7 lần so với dự toán; điều tiết NS xã 1.192,64 triệu đồng, đạt 172,85 % dự toán.

(3) Thuế thu nhập cá nhân: 7.289,58 triệu đồng, đạt 137,54% dự toán; điều tiết ngân sách xã 4.167,31 triệu đồng đạt 118,52% dự toán.

(4) Thu tiền sử dụng đất: 45.159,68 triệu đồng, đạt 374,61% dự toán; điều tiết ngân sách xã 749,73 triệu đồng, đạt 13,47 % dự toán. Trong năm xã đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất với tổng số tiền trúng đấu giá là 61,2 tỷ đồng, mặc dù tiền thu sử dụng đất trên địa bàn phát sinh cao vượt gấp 3 lần so với dự toán, tuy nhiên sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025 theo quy định số thu tiền sử dụng đất điều tiết 100% về ngân sách tỉnh hưởng, do đó dự toán thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách xã không đạt so với dự toán giao.

(5) Phí, lệ phí: 485,63 triệu đồng, đạt 346% dự toán. Phát sinh chủ yếu từ hoạt động bất động sản tăng cao.

(6) Thu khác và phạt các loại: 228,66 triệu đồng, đạt 431,44% dự toán. Trong đó Thu khác, phạt hành chính các lĩnh vực: 51,8 triệu đồng, đạt 287,78 % dự toán, thu phạt lĩnh vực ATGT: 66,8 triệu đồng, đạt 190,86 % dự toán. Thu tịch thu 2,63 triệu đồng, thu hồi các khoản chi năm trước 170,43 triệu đồng.

2. Các khoản thu không giao dự toán

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 15,51 triệu đồng; điều tiết NS xã 10,52 triệu đồng.

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 190,04 triệu đồng.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 174.936,59 triệu đồng, đạt 247,28% dự toán (Trong đó bổ sung cân đối: 12.048 triệu đồng, đạt 100% dự toán; bổ sung có mục tiêu: 162.888,59 triệu đồng, đạt 277,51 % dự toán).

II. CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (chi tiết phụ lục 2,3,4 kèm theo)

Tổng chi ngân sách năm 2025 ước thực hiện: 177.626,84 triệu đồng, đạt 68,25% dự toán. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 25.403,47 triệu đồng (không bao gồm số đã chi 6 tháng đầu năm các dự án cấp huyện chuyển về) đạt 25,20% so với dự toán giao. Nguyên nhân thực hiện thấp là do phụ thuộc vào tiến độ bổ sung nguồn vốn từ tỉnh chuyển về.

Trong năm tổng kế hoạch vốn đầu tư giao (sau điều chỉnh) là 141.193,44 triệu đồng cho 42 công trình, trong đó kế hoạch vốn huyện chuyển về là 117.875,24 triệu đồng, vốn ngân sách xã là 23.318,20 triệu đồng. Ước thực hiện giải ngân kế hoạch vốn giao (bao gồm số giải ngân 6 tháng đầu các dự án cấp huyện chuyển về) năm 2025 là 73.887,47 triệu đồng đạt 52,33% kế hoạch vốn.

- Chi thường xuyên: 145.262,3 triệu đồng, đạt 95,87 % dự toán. Gồm:
 - + Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề: 77.908,37 triệu đồng, đạt 97,5% dự toán
 - + Chi quốc phòng: 1.297,50 triệu đồng, đạt 99,24% dự toán
 - + Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 1.157,60 triệu đồng, đạt 99,57 dự toán
 - + Chi y tế: 92,66 triệu đồng, đạt 100% dự toán
 - + Chi văn hóa thông tin: 1.128,00 triệu đồng, đạt 99,12 % dự toán
 - + Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn: 698,20 triệu đồng, đạt 99,57% dự toán
 - + Chi thể dục thể thao: 409,50 triệu đồng, đạt 95,34% dự toán
 - + Chi bảo vệ môi trường: 138,50 triệu đồng, đạt 97,88% dự toán
 - + Chi các hoạt động kinh tế: 4.950 triệu đồng, đạt 84,33% dự toán
 - + Chi hoạt động quản lý nhà nước: 55.249,97 triệu đồng, đạt 94,39% dự toán
 - + Chi đảm bảo xã hội: 2.232,00 triệu đồng, đạt 99,87% dự toán.
- Chi từ nguồn dự phòng ngân sách: 382 triệu đồng triệu đồng, đạt 100% dự toán.
- Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 4.965,46 triệu đồng, đạt 98,09%, trong đó: Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 2.421,46 triệu đồng, đạt 100% dự toán; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 1.714 triệu đồng, đạt 99,25% dự toán; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 830 triệu đồng, đạt 90,84%.
- Chi tiền lương và các khoản chưa phân bổ: 1.995,62 triệu đồng, đạt 69,6%.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC THU, CHI

Đạt được kết quả thu nêu trên là sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy, UBND xã, các cấp, các ngành trong công tác quản lý thu và chống thất thu NSNN trên địa bàn xã. Đồng thời, cơ quan thuế đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các biện pháp thu, tập trung thu triệt để, quản lý thu đúng, thu đủ, hạn chế tình trạng nợ đọng thuế, chống gian lận, chống thất thu thuế. Nâng cao chất lượng các hình thức hỗ trợ về thuế

cho người nộp thuế, thực hiện tuyên truyền vận động doanh nghiệp nộp thuế điện tử, công khai các thủ tục hành chính, ...kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện doanh nghiệp an tâm và ổn định phát triển kinh doanh.

Việc điều hành chi ngân sách được triển khai theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đúng chế độ; ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm, các công trình hạ tầng thiết yếu, hoạt động an sinh xã hội, y tế, giáo dục và các nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương, công tác mua sắm công, sử dụng tài sản nhà nước được quản lý chặt chẽ, bảo đảm công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, thực hành tiết kiệm chi ngân sách; chống lãng phí trong sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi hành chính và các lĩnh vực khác.

Các cơ quan, phòng ban chuyên môn, các đơn vị dự toán thường xuyên theo dõi, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện dự toán thu chi NSNN. Công tác điều hành và quản lý thu chi ngân sách năm 2025 của các cơ quan, đơn vị đã bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

1. Về thu ngân sách nhà nước:

Chủ động phấn đấu tăng thu theo các chỉ tiêu so với dự toán được giao, đề xuất các giải pháp tăng thu, phấn đấu hoàn thành dự toán .

Bám sát từng chỉ tiêu thu ngân sách đã được Hội đồng nhân dân xã giao ngay từ đầu năm, thường xuyên theo dõi chặt chẽ tiến độ thu trên địa bàn, đánh giá phân loại cụ thể từng sắc thuế, từng ngành, từng lĩnh vực để có biện pháp quản lý thu phù hợp.

Tập trung triển khai thực hiện các dự án sớm tập trung cho công tác giải ngân nguồn vốn đầu tư công.

Tuyên truyền vận động các thành phần kinh tế, sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã ổn định kinh doanh có trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Thường xuyên phối hợp với cơ quan thuế tổ chức công tác chống thất thu ngân sách để đôn đốc thu và xử lý nợ đọng thuế trên địa bàn, nhất là số thuế nợ các năm trước.

Thường xuyên phối hợp kiểm tra, rà soát các nguồn thu phát sinh trên địa bàn, kịp thời đưa vào quản lý thuế; đồng thời kiểm tra hồ sơ khai thuế đối chiếu với doanh thu thực tế để đề nghị cơ quan thuế có biện pháp điều chỉnh mức thu thuế kịp thời. Rà soát, thống kê các hộ đã cấp giấy phép kinh doanh và thực tế có kinh doanh để đưa vào quản lý thu đầy đủ bộ thuế môn bài, giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân thực tế phát sinh theo quy định; hoạt động xây dựng công trình tư nhân đưa vào bộ thu thuế để chống thất thu ngân sách trên địa bàn.

Các ngành và các đoàn thể của xã cùng phối kết hợp tổ chức đôn đốc, kiểm tra việc kê khai và nộp thuế của các hộ cá thể trên địa bàn.

2. Về chi ngân sách địa phương

Thực hiện cân đối điều hành ngân sách phải tuân thủ quy định Luật ngân sách nhà nước, cấp phát kinh phí, giám sát chi trên cơ sở dự toán được duyệt.

Chỉ đạo bộ phận kế toán xã chủ động xây dựng dự toán năm 2026 theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đúng chế độ; ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm, các công trình hạ tầng thiết yếu, hoạt động an sinh xã hội, y tế, giáo dục và các nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương, công tác mua sắm công, sử dụng tài sản nhà nước được quản lý chặt chẽ, bảo đảm công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, thực hành tiết kiệm chi ngân sách; chống lãng phí trong sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi hành chính và các lĩnh vực khác.

Các đơn vị, cơ quan chuyên môn chủ động sử dụng kinh phí được giao, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo chức năng của mình. Hạn chế việc tổ chức các hoạt động mang tính hình thức; thực hiện chi tiêu đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả nguồn kinh phí của Nhà nước.

V. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

1. Tổng dự toán thu ngân sách xã	184.140,00 triệu đồng
- Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp:	43.402,00 triệu đồng
- Thu bổ sung từ cấp trên:	140.738,00 triệu đồng
+ Thu cân đối ngân sách xã:	114.006,00 triệu đồng
+ Thu bổ sung có mục tiêu:	26.732,00 triệu đồng
2. Tổng dự toán chi ngân sách xã	184.140,00 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	31.106,00 triệu đồng
+ Chi xây dựng cơ bản tập trung:	3.056,00 triệu đồng
+ Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	28.050,00 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	147.823,00 triệu đồng
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương :	2.063,0 triệu đồng
- Dự phòng ngân sách:	3.148,0 triệu đồng

Trên đây là báo cáo tình hình thu chi ngân sách xã năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026, UBND xã Đức Cơ báo cáo Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp thứ Năm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- UBMTTQVN xã;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuyên



Biểu số 01/BC-NS

ƯỚC TÍNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 290/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN GIAO		ƯỚC THỰC HIỆN		SO SÁNH(%)	
		THU NSNN	THU NS XÃ	THU NSNN	THU NS XÃ	THU NSNN	THU NS XÃ
I	Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã	20.178,00	10.779,00	79.983,02	7.935,61	396,39	73,62
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ trong và ngoài quốc doanh	1.730,00	843,00	16.851,60	1.337,09	974,08	158,61
-	Thuế Giá trị gia tăng	1.720,00	838,00	15.433,58	1.258,92	897,30	150,23
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			503,67			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	10,00	5,00	136,54	2,08	1.365,39	41,54
-	Thuế tài nguyên			63,78			
-	Thu khác			714,03	76,10		
2	Lệ phí trước bạ	900,00	690,00	9.607,23	1.192,64	1.067,47	172,85
-	Trước bạ Nhà , đất	900,00	690,00	1.589,21	1.192,64	176,58	172,85
-	Lệ phí trước bạ tài sản khác			8.018,02			
3	Phí, lệ phí	140,00	110,00	485,63	269,81	346,88	245,28
-	Lệ phí môn bài	110,00	80,00	256,55	158,99	233,23	198,73
-	Phí lệ phí trung ương thu			117,80			
-	Phí bảo vệ môi trường			0,46			
-	Phí, lệ phí xã thu	30,00	30,00	110,83	110,83	369,42	369,42
4	Thuế Thu nhập cá	5.300,00	3.516,00	7.289,58	4.167,31	137,54	118,52
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			15,51	10,52		
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	0,00	0,00	190,04		0,00	0,00
7	Tiền sử dụng đất	12.055,00	5.567	45.159,68	749,73	374,61	13,47
8	Thu khác và phạt các loại	53,00	53,00	228,66	53,43	431,44	100,81
-	Thu khác, phạt hành chính	18,00	18,00	51,80	38,80	287,78	215,56
-	Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông	35,00	35,00	66,80	12,00	190,86	34,29
-	Thu tịch thu			2,63	2,63		
-	Thu hồi các khoản chi năm trước			107,43			
9	Thu huy động đóng góp			155,09	155,09		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	70.745,00	70.745,00	174.936,59	174.936,59	247,28	247,28
1	Bổ sung cân đối	12.048,00	12.048,00	12.048,00	12.048,00	100,00	100,00
2	Bổ sung có mục tiêu	58.697,00	58.697,00	162.888,59	162.888,59	277,51	277,51
III	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước			3.944,29	3.944,29		
IV	Thu kết dư nguồn ngân sách năm trước			393,10	393,10		
	TỔNG CỘNG	90.923,0	81.524,0	259.257,00	187.209,59	285,14	229,64



Biểu số 02/BC-NS

ƯỚC CHI NGÂN SÁCH ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 290/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025	SỐ SÁNH % TH/DT
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	260.262,01	177.626,84	68,25
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	100.811,57	25.403,47	25,20
1	Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	20.125,68	5.125,60	25,47
2	Vốn đầu tư tập trung tỉnh phân cấp	1.305,82	1.305,82	100,00
3	Vốn đầu tư sử dụng đất phân cấp huyện thực hiện	55.969,62	8.040,62	14,37
4	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.542,25	174,40	6,86
5	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	14.092,00	8.737,39	62,00
6	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương	2.857,00	1.269,91	44,45
7	Nguồn vốn ngân sách cấp xã quản lý (tiền sử dụng đất)	3.919,20	749,73	19,13
II	CHI THUƯỜNG XUYÊN	151.521,03	145.262,30	95,87
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	79.908,37	77.908,37	97,50
2	Chi quốc phòng	1.307,50	1.297,50	99,24
3	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.162,60	1.157,60	99,57
4	Chi y tế, dân số và gia đình	92,66	92,66	100,00
5	Chi văn hóa thông tin	1.138,00	1.128,00	99,12
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	701,20	698,20	99,57
7	Chi thể dục thể thao	429,50	409,50	95,34
8	Chi bảo vệ môi trường	141,50	138,50	97,88
9	Chi các hoạt động kinh tế	5.870,00	4.950,00	84,33
10	Chi hoạt động quản lý nhà nước	58.534,70	55.249,97	94,39
11	Chi đảm bảo xã hội	2.235,00	2.232,00	99,87
III	Dự phòng ngân sách	382,00	382,00	100,00
IV	Nguồn tiền lương và các khoản chưa phân bổ	2.867,33	1.995,62	69,60
V	Các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	5.062,08	4.965,46	98,09
1	Chi chương trình MTQG vùng đồng bào DTTS và MN	2.421,46	2.421,46	100,00
2	Chi chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	1.726,94	1.714,00	99,25
3	Chi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	913,68	830,00	90,84

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 246/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã)

STT	Quyết định		 Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền (đồng)
	Số	Ngày tháng			
1	966/QĐ-UBND	25/11/2025	Văn phòng HĐND và UBND xã Đức Cơ (Ban chỉ huy quân sự xã)	Kinh phí mua áo Đoàn tặng các thanh niên lên đường nhập ngũ	4.750.000
2	966/QĐ-UBND	25/11/2025		Kinh phí phục vụ hội trại tòng quân đưa thanh niên lên đường nhập ngũ	22.220.000
3	966/QĐ-UBND	25/11/2025	Văn phòng HĐND và UBND xã Đức Cơ (Công an xã)	Kinh phí an ninh trật tự tuần tra phòng chống ma túy	40.000.000
4	966/QĐ-UBND	25/11/2025		Kinh phí sửa chữa khu tiếp công dân Công an xã	20.000.000
5	966/QĐ-UBND	25/11/2025	Phòng Kinh tế xã Đức Cơ	Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường	184.285.720
6	966/QĐ-UBND	25/11/2025		Kinh phí hỗ trợ khắc phục do thiên tai gây r	6.500.000
7	966/QĐ-UBND	25/11/2025	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đức Cơ	Kinh phí mua biên lai điện tử, chứng thư số	8.328.764
8	966/QĐ-UBND	25/11/2025		Kinh phí phục vụ người dân đến tại Trung tâm phục vụ hành chính công (nước, văn phòng phẩm,sao chụp, in ấn tài liệu)	16.171.236
TỔNG CỘNG					302.255.720

ƯỚC TÍNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ước giải ngân kế hoạch năm 2025						Tỷ lệ % TH/DT
		Tổng số	Trong đó			Đã chi 6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Trong đó				
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Nhân dân đóng góp	
	TỔNG CỘNG	141.193,44	46.963,25	87.800,99	6.184,20	48.484,86	25.403,47	8.254,58	16.369,98	18,00	161,91	52,33
A	NGUỒN HUYỆN CHUYỂN VỀ	117.875,24	39.442,25	78.432,99	0,00	40.381,87	10.719,85	1.995,58	8.724,27	0,00	0,00	43,35
I	Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	39.350,00	39.350,00	0,00	0,00	19.224,32	1.903,33	1.903,33	0,00	0,00	0,00	53,69
-	Đường liên xã huyện Đức Cơ, tỉnh Gia lai	39.350,00	39.350,00	0,00	0,00	19.224,318	1.903,33	1.903,330	0,00	0,00	0,00	53,69
II	Vốn đầu tư tập trung tỉnh phân cấp	17.427,00	0,00	17.427,00	0,00	16.121,18	1.305,82	0,00	1.305,82	0,00	0,00	100,00
1	Trường THCS Nguyễn Hiền	500,00	0,00	500,00	0,00	489,162	10,84	0,00	10,84	0,00	0,00	100,00
2	Trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao	3.517,19	0,00	3.517,19	0,00	3.469,131	48,06	0,00	48,06	0,00	0,00	100,00
3	Nâng cấp, mở rộng Hội trường chung của huyện	3.896,81	0,00	3.896,81	0,00	3.896,807	1.246,92	0,00	1.246,919	0,00	0,00	132,00
4	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An (Đoạn Quang Trung đến đường liên xã)	1.940,00	0,00	1.940,00	0,00	693,081	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	35,73
5	Nâng cấp, mở rộng Đường Lê Hồng Phong thị trấn Chư Ty	7.573,00	0,00	7.573,00	0,00	7.573,000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	100,00
III	Vốn đầu tư sử dụng đất phân cấp huyện thực hiện	61.005,99	0,00	61.005,99	0,00	5.036,37	7.418,46	0,00	7.418,46	0,00	0,00	20,42
1	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch đất huyện Đức Cơ	1.500,00	0,00	1.500,00	0,00	1.200,000	37,03	0,00	37,03	0,00	0,00	82,47
2	Đo đạc chỉnh lý bản đồ	1.790,00	0,00	1.790,00	0,00	0,000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Đức Cơ	700,00	0,00	700,00	0,00	300,000	43,44	0,00	43,44	0,00	0,00	49,06
4	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cắm mốc quy hoạch	5.134,40	0,00	5.134,40	0,00	0,00	1.517,04	0,00	1.517,04	0,00	0,00	29,55
4.1	Quy hoạch chi tiết xây dựng làng Trol Deng, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	1.633,10		1.633,100		0,000	18,62		18,618			1,14
4.2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết chợ Đức Cơ	292,40		292,400		0,000	292,40		292,400			100,00
4.3	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư TDP 6(phía Tây trường THCS dân tộc nội trú)	586,70		586,700		0,000	586,70		586,700			100,00
4.4	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư đường liên xã (đoạn từ đường Chu Văn An nối dài đến đường Tăng Bạt Hổ)	622,20		622,200		0,000	300,00		300,000			48,22

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ước giải ngân kế hoạch năm 2025						Tỷ lệ % TH/DT
		Tổng số	Trong đó			Đã chi 6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Trong đó				
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Nhân dân đóng góp	
4.5	Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2.000,00		2.000,000		0,000	319,32		319,320			15,97
5	Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Chư Ty	900,00	0,00	900,00	0,00	0,000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh thị trấn Chư Ty	8.570,00	0,00	8.570,00	0,00	713,372	969,75	0,00	969,75	0,00	0,00	19,64
7	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty	9.968,40	0,00	9.968,40	0,00	244,130	1.781,16	0,00	1.781,16	0,00	0,00	20,32
8	Nghĩa địa chung huyện Đức Cơ	1.250,00	0,00	1.250,00	0,00	310,507	862,86	0,00	862,86	0,00	0,00	93,87
9	Nâng cấp, mở rộng Hội trường chung của huyện	4.203,19	0,00	4.203,19	0,00	1.300,000	821,53	0,00	821,53	0,00	0,00	50,47
10	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An (Đoạn Quang Trung đến đường liên xã)	460,00	0,00	460,00	0,00		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
11	Nâng cấp, mở rộng Đường Lê Hồng Phong thị trấn Chư Ty	4.370,00	0,00	4.370,00	0,00		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
12	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi và đường Trần Phú (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Siu Blêh) thị trấn Chư Ty	3.000,00	0,00	3.000,00	0,00	128,445	354,44	0,00	354,44	0,00	0,00	16,10
13	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: Cù Chính Lan; Ngõ Máy; Nguyễn Khuyến; Nguyễn Bình Khiêm	4.460,00	0,00	4.460,00	0,00	202,669	525,49	0,00	525,49	0,00	0,00	16,33
14	Đường Quy hoạch khu dân cư Tổ dân phố 7 (phía Đông Công an huyện, đường vào xã Ia Pnôn) thị trấn Chư Ty	10.400,00	0,00	10.400,00	0,00	434,363	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4,18
15	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh thị trấn Chư Ty	4.300,00	0,00	4.300,00	0,00	202,888	505,71	0,00	505,71	0,00	0,00	16,48
IV	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	92,25	92,25	0,00	0,00	0,00	92,25	92,25	0,00	0,00	0,00	100,00
*	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng DBDTS và MN kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	92,25	92,25	0,00	0,00	0,00	92,25	92,25	0,00	0,00	0,00	100,00
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KTXH và đảm bảo ANTT phát triển KTXH và đảm bảo ANTT vùng đồng bào DTTS và MN											
-	Thiết lập điểm hỗ trợ DBDTS ứng dụng công nghệ thông tin thuộc dự án 10	92,25	92,25	0,00	0,00	0,00	92,25	92,25	0,00	0,00	0,00	100,00
B	NGUỒN VỐN CẤP XÃ	23.318,20	7.521,00	9.368,00	6.184,20	8.102,99	14.683,61	6.259,00	7.645,70	18,00	161,91	97,72
I	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.450,00	1.262,00	1.188,00	0,00	2.367,85	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	96,65

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ước giải ngân kế hoạch năm 2025						Tỷ lệ % TH/DT
		Tổng số	Trong đó			Đã chi 6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Trong đó				
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Nhân dân đóng góp	
*	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở , nhà ở, đất sản xuất,, nước sinh hoạt.	1.188,00	0,00	1.188,00	0,00	1.144,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	96,30
	Nội dung số 2: Hỗ trợ nhà ở											
-	Dự án 1 : Hỗ trợ nhà ở (27 nhà)	1.188,00	0,00	1.188,00	0,00	1.144,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	96,30
*	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.	1.262,00	1.262,00	0,00	0,00	1.223,85	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	96,98
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi											
1	Đường giao thông làng Krai (Nhánh 1 từ đường chính (liên huyện) bên cạnh nhà sinh hoạt cộng đồng làng Krai đến khu nhà dân (Rơ Lan Bliêu); Nhánh 2 Từ đường chính xuống nhà mã giọt nước)	862,00	862,00	0,00	0,00	860,70	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	99,85
2	Sửa chữa, cải tạo và cơ sở vật chất trạm y tế xã	400,00	400,00	0,00	0,00	363,15	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	90,79
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	14.092,00	6.259,00	6.151,00	1.599,00	3.657,61	13.893,00	6.259,00	6.952,00	0,00	83,00	124,54
*	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.	14.092,00	6.259,00	6.151,00	1.599,00	3.657,61	13.893,00	6.259,00	6.952,00	0,00	83,00	124,54
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện.	14.092,00	6.259,00	6.151,00	1.599,00	3.657,61	13.893,00	6.259,00	6.952,00	0,00	83,00	124,54
1	Trường THCS Trần Quốc Toản	5.200,00	4.200,00	0,00	1.000,00	1.579,15	5.001,00	4.200,00	801,00	0,00	0,00	126,54
2	Đường giao thông nội làng Grôn (Từ trung tâm làng di làng Phong)	1.042,00	1.000,00	0,00	0,00	1.019,96	1.042,00	1.000,00	0,00	0,00	42,00	197,88
3	Sửa chữa Nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, làng	1.100,00	1.059,00	0,00	0,00	1.058,50	1.100,00	1.059,00	0,00	0,00	41,00	196,23
4	Trường Mầm non Bình Minh (xây mới 01 phòng học cấp IV, nhà vệ sinh, sửa chữa các phòng học, cổng, hàng rào, sân bê tông và các hạng mục phụ	2.500,00	0,00	2.300,00	200,00	0,00	2.500,00	0,00	2.300,00	0,00	0,00	100,00
5	Trường tiểu học Lê Văn Tám (xây dựng mới 02 phòng học cấp IV, nhà vệ sinh, sửa chữa 01 phòng học, cổng, hàng rào, sân bê tông và các hạng mục phụ)	2.500,00	0,00	2.300,00	200,00	0,00	2.500,00	0,00	2.300,00	0,00	0,00	100,00
6	Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Toản (Xây dựng mới nhà vệ sinh; sửa chữa nhà học 02 tầng, cổng, hàng rào, sân bê tông và các hạng mục phụ	1.750,00	0,00	1.551,00	199,00	0,00	1.750,00	0,00	1.551,00	0,00	0,00	100,00
III	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương	2.857,00	0,00	2.029,00	666,00	1.587,09	790,62	0,00	693,70	18,00	78,91	83,22
1	Đường tuyến 2 tổ dân phố 7(sau Hồ Thanh Lịch)	521,00		521,00	0,00	295,00	212,62		212,62	0,00	0,00	97,43



TT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ước giải ngân kế hoạch năm 2025						Tỷ lệ % TH/DT
		Tổng số	Trong đó			Đã chi 6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Trong đó				
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Nhân dân đóng góp	
2	Đường khóm 3 tổ dân phố 4, thị trấn Chư T(Đường Huỳnh Thúc Kháng)	896,00		788,00	18,00	401,09	506,00		481,09	18,00	6,91	101,24
3	Đường giao thông nội làng Hrang	1.020,00	0,00	510,00	459,00	510,00	51,00	0,00	0,00	0,00	51,00	55,00
4	Đường giao thông làng Krai, từ đường liên huyện (Nhà bà Hoài) đến nhà ông Thương.	420,00	0,00	210,00	189,00	381,00	21,00	0,00	0,00	0,00	21,00	95,71
IV	Nguồn vốn ngân sách cấp xã quản lý (tiền sử dụng đất)	3.919,20	0,00	0,00	3.919,20	490,44	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	12,51
1	Đường giao thông làng Lung Prông gồm 3 tuyến (T1 : Từ nhà Kpuih Sót đến nhà Ông Thuyền ; T2 từ nhà ông Việt đến nhà ông Bung , T3 từ nhà ông Huyền đến nhà ông Siu Ky)	160,00	0,00	0,00	160,00	159,49	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	99,68
2	Đường giao thông nội đồng làng Ấp (từ nhà ông Rơ Mah Huy đến cánh đồng làng)	121,00	0,00	0,00	121,00	117,47	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	97,08
3	Đường giao thông nội làng Lung Prông (từ nhà Chu đến nhà ông Xuân)	213,48	0,00	0,00	213,48	213,48	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	100,00
4	Dự phòng ngân sách	3.424,72			3.424,72	0,00				0,00		